TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-PT
Ngày: 08 -5-2024
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2023/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/20224/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐ – PT ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 28/52A, đường Dương Bá Tr, Phường 2, Quận 8, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 27, đường Phạm Thái B, Phường 4, thành phố V, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc T – Công ty Luật TNHH Trần T – Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số 27, đường Phạm Thái B, Phường 4, thành phố V, tỉnh L, Luật sư T có mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Kiều Ph, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà F231, Khóm 5, Phường 5, thành phố V, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 175, khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, Thành phố V, tỉnh L.Theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Thùy Tr – Văn phòng Luật sư Dương Vĩnh P – đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: số 53/8A, Mậu Thân, Phường 3, Thành phố V, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Bà Nguyễn Thị Kiều Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Trước đây, trong quá trình quen biết làm ăn ông B có cho bà Ph vay số tiền 11.340.999.991 đồng để kinh doanh, tiền được chuyển khoản qua Ngân hàng Vietcombank các lần như sau:

- Ngày 19/10/2022 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 28/10/2022 chuyển 50.000.000 đồng;
- Ngày 29/10/2022 chuyển 300.000.000 đồng;
- Ngày 10/11/2022 chuyển 800.000.000 đồng;
- Ngày 18/11/2022 chuyển 100.000.000 đồng;
- Ngày 19/11/2022 chuyển 1.600.000.000 đồng;
- Ngày 23/11/2022 chuyển 550.000.000 đồng;
- Ngày 28/11/2022 chuyển 849.999.999 đồng;
- Ngày 29/11/2022 chuyển 300.000.000 đồng;
- Ngày 30/11/2022 chuyển 750.999.999 đồng;
- Ngày 03/12/2022 chuyển 999.999.998 đồng;
- Ngày 21/12/2022 chuyển 499.999.999 đồng;
- Ngày 04/01/2023 chuyển 15.000.000 đồng;
- Ngày 22/01/2023 chuyển 200.000.000 đồng;
- Ngày 02/02/2023 chuyển 600.000.000 đồng;
- Ngày 07/02/2023 chuyển 680.000.000 đồng;
- Ngày 10/02/2023 chuyển 30.000.000 đồng;
- Ngày 14/02/2023 chuyển 499.999.999 đồng;
- Ngày 15/02/2023 chuyển 499.999.999 đồng;
- Ngày 18/02/2023 chuyển 999.999.998 đồng;
- Ngày 25/02/2023 chuyển 40.000.000 đồng;

- Ngày 05/3/2023 chuyển 800.000.000 đồng;

- Ngày 24/3/2023 chuyển 155.000.000 đồng;

Tổng số tiền là 11.340.999.991 đồng, sau nhiều lần chuyển trả lại cho ông, bà Ph đã trả được số tiền 6.200.500.000 đồng, bà Ph còn nợ lại số tiền 5.140.599.999 đồng. Nay ông B yêu cầu bà Ph trả số nợ nêu trên và yêu cầu tính lãi suất 0,83% tháng từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/12/23 bằng số tiền 341.429.200 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Ph là vợ chồng sống chung thực tế không có đăng ký kết hôn, ông B và bà Ph đã có với nhau 02 người con chung tên Hồ Nguyễn Thanh Ph1, sinh năm 2005 và Hồ Nguyễn Bình Ph2, sinh ngày 06/6/2006. Trước đây bà Ph sống với ông B tại Thành phố H, đến năm 2018 giữa ông B, bà Ph xảy ra mâu thuẫn nên bà Ph đã dẫn 02 người con về tỉnh L sinh sống cho đến nay, số tiền 5.140.599.999 đồng mà ông B kiện đòi lại là tiền mà trước đây ông B cho bà Ph để nuôi con chung. Vì vậy, việc ông Bình kiện đòi bà Ph trả số tiền vừa nêu bà Ph không đồng ý.

Ngoài ra, trong quá trình chung sống ông B có mượn bà Ph số tiền 2.090.000.000 đồng, nhưng ông B đã trả xong, sau đó ông B có mượn lại của bà Ph nhiều lần với số tiền 6.200.500.000 đồng, hiện nay chưa trả. Tuy nhiên, hiện tại bà Ph không có yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.200.500.000 đồng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DSST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Ph có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền 5.140.599.999 đồng (*năm tỉ một trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn B về việc yêu cầu tính tiền lãi suất với số tiền 341.429.200 đồng (*ba trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn hai trăm đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

* Ngày 09/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Ph có đơn kháng cáo với nội dung như sau: đề nghị cấp phúc thẩm xém xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn B. Ngày 26/3/2024 bà Phương có bản khai bổ sung đơn kháng cáo không đồng ý chịu án phí 113.140.600đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện bị đơn bà Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông B chuyển tiền cho bà Ph nhưng tại các sao kê không thể hiện rõ nội dung cho bà Ph vay hay mượn, việc ông B hứa với các con nhưng ông B không thực hiện các con cũng có bản khai, không có chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền. Khi ly hôn thì bà Ph chưa yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, thì số tiền này ông B cho hai con chung ăn học nuôi dưỡng hai con cùng bà Ph. Theo như bà Ph trình bày là hợp lý.Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị giữ y án sơ thẩm. sao kê chuyển tiền được Ngân hàng cung cấp thể hiện ông B có chuyển tiền rất nhiều lần cho bà Ph mặc dù không ghi rõ nội dung và bà Ph cũng có chuyển trả, rõ ràng đây là hợp đồng vay. Trong đơn khởi kiện ông B yêu cầu bà Ph trả số tiền còn lại 5.140.599.999đ. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm qua xem xét lại bảng sao kê tính toán có sai sót nên ông B yêu cầu bà Ph trả số tiền 4.765.499.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn cũng thống nhất với sao kê và số tiền 4.765.499.000đ. Tuy là không có hợp đồng vay bằng văn bản nhưng có chuyển trả qua lại, nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Đề nghị áp dụng Điều 299, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi suất 0,83% tháng từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/12/2023 bằng số tiền 341.429.200 đồng Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Ph có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền 4.765.499.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiên phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Phương nộp án phí dân sự sơ thẩm 112.765.500 đồng. Ông Bình là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/12/2023 Tòa án nhân dân Thành phố V , tỉnh L xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 09/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Ph có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; theo quy định tại Điều 273 được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn bà Ph trả số tiền sau nhiều lần chuyển trả bà Ph còn nợ ông 5.140.599.999 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83% tháng từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/12/23 bằng số tiền 341.429.200 đồng.

Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Ph trả nguyên đơn ông B số tiền số tiền 5.140.599.999 đồng (*năm tỉ một trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*). Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn Bvề việc yêu cầu tính tiền lãi suất với số tiền 341.429.200 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn có kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn .

Bà Ph cho rằng bà chung sống với ông B như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau có hai người con chung: Hồ Nguyễn Thanh Ph1 sinh ngày 25/4/2005 và Hồ Nguyễn Bình Ph2 sinh ngày 07/6/2006. Đến năm 2016 do mâu thuẩn nên bà Ph khởi kiện xin ly hôn với ông B. Tại Bản án số 314/2016/HNGĐ – ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố H xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông B, giao hai con

chung cho bà Ph nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi nào bà Phương có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B có thẩy đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông B chỉ yêu cầu bà Ph trả 4.765.499.000đ và không yêu cầu tính lãi. Xét từ năm 2016 khi có quyết định không công nhận vợ chồng giữa bà Ph và ông B thì hai con chung bà Ph là người trực tiếp lo lắng châm nom và nuôi dưỡng, bà Ph cho rằng đã vất vả nuôi hai con trưởng thành trong khoảng thời gian dài chi phí rất nhiều; ông B không trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng. Chính vì vậy số tiền trên bà Ph sử dụng vào việc nuôi dưỡng và lo cho hai con ăn học là có căn cứ.

Ngoài ra, tại bản tự khai của hai con Hồ Nguyễn Thanh Ph1 và Hồ Nguyễn Bình Ph2 cùng ngày 15/3/2024 đều khai thời gian sau ông B có về sống chung với bà Ph và hai con. Ông B có hứa sẽ tạo lập tương lai sự nghiệp cho hai con. Nay theo yêu cầu của ông B thì hai con không đồng ý và trái với sự tự nguyện mà ông B đã hứa với hai con.

Mặt khác, ngoài các bảng sao kê là căn cứ khởi kiện thì ông B không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong chứng từ sao kê cũng không ghi rõ nội dung mục đích chuyển tiền qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn là tiền vay hay mượn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông B có cung cấp nhiều bản sao kê giao dịch giữa ông và người khác thì có ghi nội dung chuyển tiền cụ thể.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Kiều Ph là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không đủ cơ sở để chấp nhận

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa án nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sư sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Kiều Ph

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 457 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều Ph trả số tiền 4.765.499.000 đồng (*bốn tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho nguyên đơn Hồ Văn B

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà Phương tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo Biên lai thu số 0056520 ngày 10/01/2024 của Chi cụ Thi hành án dân sự Thành phố V, tỉnh L

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND TPVL: 01b;
- Chi cục THADS TPVL : 01b;
- Mỗi đương sự: 01bản;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Lạc